

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2020

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100100015 đăng ký lần đầu ngày 23/01/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 01/10/2015 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp
- Vốn điều lệ: 1.050.000.000 .000 VNĐ (*Một nghìn, không trăm, năm mươi tỷ đồng*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1 031 041 000 000 VNĐ (*Một nghìn, không trăm ba mươi một tỷ, không trăm bốn mươi một triệu đồng*). Chủ sở hữu: Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.
- Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
- Số điện thoại: 04- 36647515 Số fax: 04-36647493
- Website: www.cmv.vn
- Mã cổ phiếu: MVB
- Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP cổ phần hóa Quyết định số 132/QĐ–TTg ngày 26/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con từ 01/10/2015. Tổng công ty trở thành công ty đại chúng kể từ ngày 28/01/2016. Cổ phiếu của Tổng công ty với mã chứng khoán MVB chính thức giao dịch trên UPCoM từ ngày 14/10/2016.

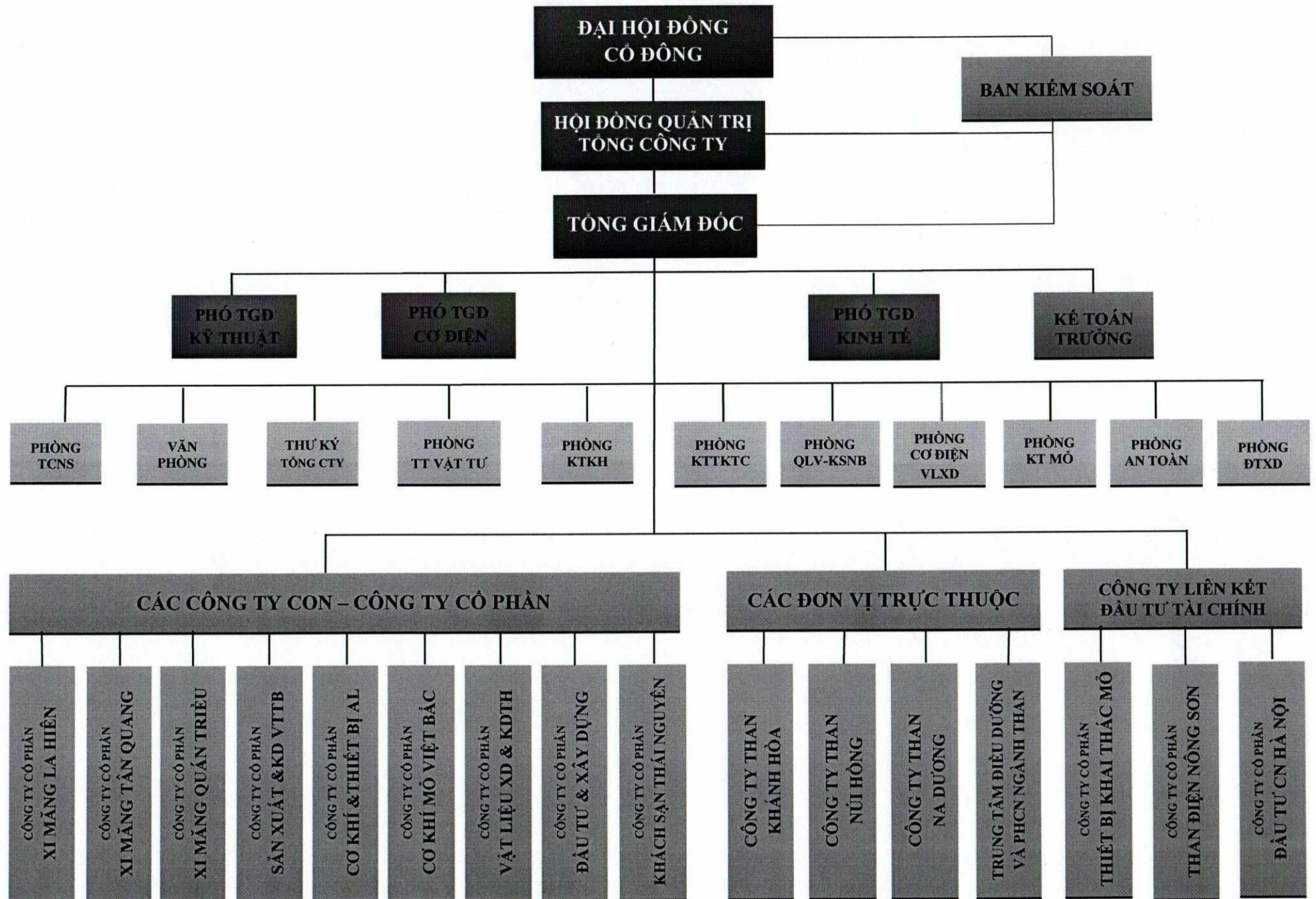
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: khai thác sản xuất than; sản xuất xi măng, vật liệu xây dựng; sản xuất cơ khí và kinh doanh tổng hợp.
- Địa bàn kinh doanh: Hà Nội, Hà Nam, Thanh Hóa và các tỉnh phía bắc: Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Cao Bằng, Bắc Cạn, Lào Cai, Hà Giang.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị: xây dựng ban hành các quy chế quản lý mọi hoạt động của Tổng công ty, kinh doanh đúng pháp luật, tăng trưởng phát triển doanh nghiệp và đảm bảo lợi ích của các cổ đông.
- Cơ cấu bộ máy quản lý: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Bộ máy điều hành. Hội đồng quản trị 05 người, Ban kiểm soát 03 người. Các Thành viên HĐQT, Ban KS do Đại hội đồng cổ đông bầu.
- Bộ máy điều hành hiện nay:
 - + Tổng giám đốc, 03 Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Tổng công ty.
 - + Các phòng chức năng có 10 phòng quản lý nghiệp vụ.
- Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP có 04 Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ, 09 Công ty con là công ty cổ phần và 01 Công ty liên kết (theo sơ đồ tổ chức dưới đây):

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TỔNG CÔNG TY



4. Định hướng phát triển/ Development orientations

Mục tiêu chủ yếu của Tổng công ty: Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hóa các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp cho ngân sách nhà nước, không ngừng phát triển Tổng công ty ngày càng lớn mạnh.

- **Đối với sản phẩm than**

Duy trì và mở rộng tối đa biên giới khai thác theo cả chiều sâu và chu vi ruộng mỏ đối với các Mỏ than Khánh Hòa, Na Dương và Núi Hồng để khai thác ổn định lâu dài:

a) Mỏ than Núi Hồng: Để phù hợp với nhu cầu tiêu thụ than cho Nhà máy nhiệt điện Cao Ngạn, sản lượng than khai thác phần lộ thiên của mỏ sẽ duy trì mức 400.000 tấn/năm.

b) Mỏ than Na Dương: Đầu tư mở rộng nâng công suất Mỏ than Na Dương từ 600.000 tấn/năm lên 1.200.000 tấn/năm để khai thác đáp ứng được nhu cầu than cho Nhà máy nhiệt điện Na Dương I và II với công suất 200 MW phù hợp với tiến độ của Nhà máy.

c) Mỏ than Khánh Hòa: Tập trung công tác đền bù giải phóng mặt bằng, cân đối hiệu quả sản xuất kinh doanh trong điều kiện công tác đền bù GPMB hết sức khó khăn và chi phí GPMB lớn, giá thành khai thác cao; Tổng công ty sẽ tính toán, cân đối khai thác với sản lượng hợp lý, đảm bảo cung cấp đủ than cho Nhà máy nhiệt điện Cao Ngạn và một phần hoặc cung cấp đủ than cho các nhà máy xi măng trong Tổng công ty.

- **Đối với các sản phẩm của các công ty con (Công ty cổ phần)**

- * **Sản phẩm xi măng:**

a) Phát huy công suất các nhà máy xi măng đã đầu tư, đa dạng hóa sản phẩm, đảm bảo chất lượng, thương hiệu được người tiêu dùng ưa chuộng

b) Đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, thiết bị, áp dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật để cải tiến hợp lý hoá các dây chuyền sản xuất nhằm nâng cao chất lượng, giảm giá thành sản phẩm, tăng sức cạnh tranh trên thị trường tiêu thụ.

- * **Sản phẩm cơ khí:**

c) Nâng cao năng lực chế tạo cơ khí, đầu tư các thiết bị gia công cơ khí có độ chính xác cao, đảm bảo cung ứng phụ tùng cho sản xuất than, khoáng sản, điện, xi măng và sản xuất khác trong ngành và vươn ra thị trường ngoài ngành;

d) Đầu tư chiều sâu để cơ khí sửa chữa đảm đương được nhiệm vụ trước mắt và lâu dài, đủ sức sửa chữa các thiết bị tiên tiến yêu cầu kỹ thuật cao.

- **Sản xuất khác:**

Kết hợp cả đầu tư chiều sâu và chiều rộng để phát triển phù hợp với sự tăng trưởng của Tổng công ty, Tập đoàn và kinh tế đất nước, đảm bảo hiệu quả kinh doanh. Chú trọng phát triển những sản phẩm hiện có như: vỏ bao xi măng, vỏ bao alumin, sản phẩm khai thác đá các loại, đất sét, xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng v.v.....

II. Tình hình hoạt động năm 2019:

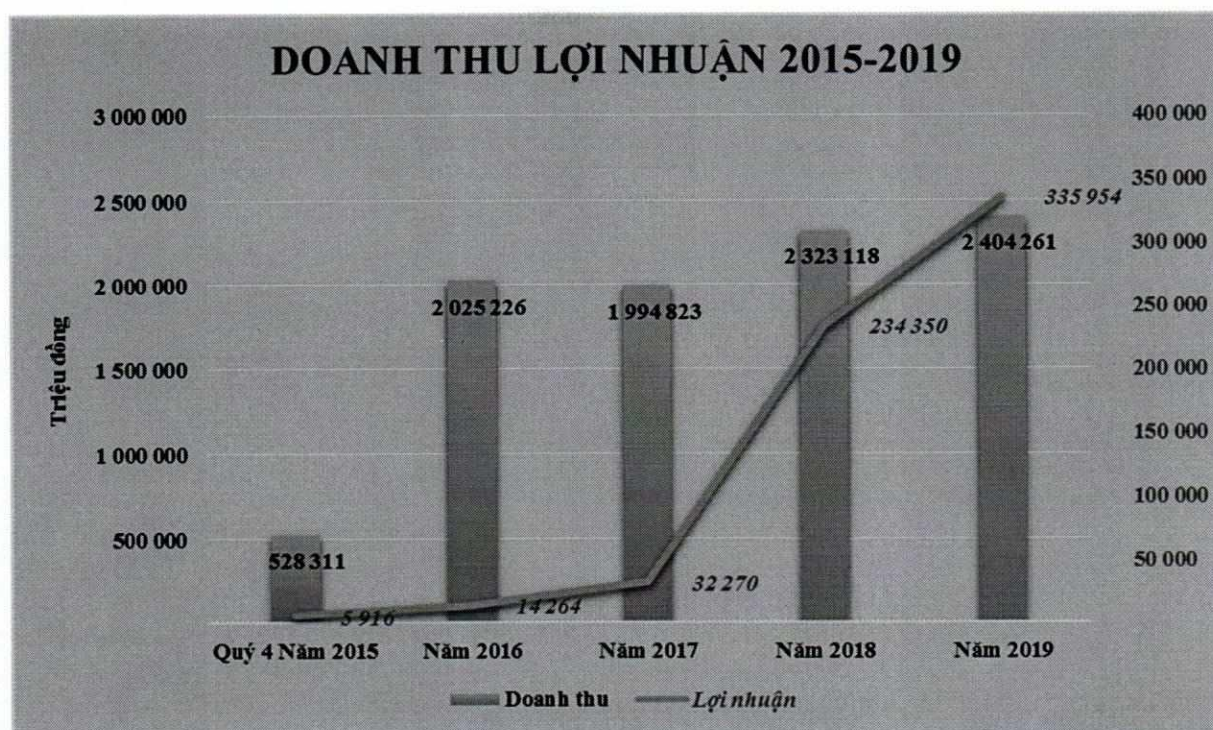
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	NQ ĐHCĐ Năm 2019	Thực hiện Năm 2019	Tỷ lệ (%) TH/KH
1	Các chỉ tiêu hiện vật				
	Than nguyên khai	Tấn	1 390 000	1 438 488	103,5
	Bóc đất đá	m ³	10 850 000	11 447 818	105,5
	Than sạch sản xuất	Tấn	1 520 000	1 691 185	111,3
	Than tiêu thụ	Tấn	1 520 000	1 688 518	111,1
2	Vốn điều lệ	Tr.đồng	1 050 000	1 050 000	100,0
3	Tổng doanh thu	"	1 781 216	2 404 261	135,0
4	Lợi nhuận trước thuế	"	218 785	326 479	149,2
5	Nộp thuế TNDN	"	35 325	62 099	175,8
6	Lợi nhuận sau thuế	"	180 459	263 971	146,3
7	Tỷ lệ trả cổ tức/Vốn điều lệ	%	8%	(Dự kiến) 18%	225
8	Đầu tư xây dựng	Tr.đồng	295 077	155 689	52,8

Năm 2019, Tổng công ty nắm bắt cơ hội về thị trường tiêu thụ than và xi măng tương đối thuận lợi, bám sát nhu cầu của thị trường, để hoàn thành mục tiêu đề ra, Tổng công ty đã yêu cầu các đơn vị bám sát những nhiệm vụ chính, xác định rõ các ngành, nghề, lĩnh vực, sản phẩm chính để tập trung phát triển, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, năng lực cạnh tranh và tái cơ cấu toàn diện, xây dựng Tổng công ty là một doanh nghiệp có trình độ công nghệ, mô hình quản trị theo hướng hiện đại và chuyên môn hóa cao, cơ cấu tổ chức gọn nhẹ, hợp lý. Bằng những quyết sách đúng đắn, các giải pháp đồng bộ và công tác chỉ đạo, điều hành chủ động, linh hoạt, Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty đã có hiệu quả rõ rệt, đạt và vượt cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đề ra.

2. Kế hoạch năm 2020 dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020
1	Các chỉ tiêu hiện vật		
	- Than nguyên khai	Tấn	1 385 000
	- Bóc đất đá	m ³	11 200 000
	- Than sạch sản xuất	Tấn	1 521 000
	- Than tiêu thụ	Tấn	1 521 000
2	Vốn điều lệ	Triệu đồng	1 050 000
3	Tổng doanh thu	"	1 800 622
4	Lợi nhuận trước thuế	"	102 082
5	Nộp thuế TNDN	"	14 817
6	Lợi nhuận sau thuế	"	87 266
7	Tỷ lệ trả cổ tức/Vốn điều lệ	%	12
8	Đầu tư xây dựng	Triệu đồng	323 381



III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2019, Bộ máy điều hành Tổng công ty đã nỗ lực thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, điều hành và nêu cao vai trò trách nhiệm trước đại cổ đông, đã vượt qua những khó khăn, để thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao, tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Với những kết quả đạt được trong công tác quản lý và sản xuất, bộ máy điều hành Tổng công ty đã góp phần không nhỏ vào việc thực hiện nhiệm vụ chung của Tổng công ty, đưa Tổng công ty ngày càng ổn định và phát triển lớn mạnh. Đã tập trung giải quyết được một số công việc trọng tâm như sau:

- Từ Tổng công ty đến các đơn vị đã thực hiện rà soát, hoàn thiện lại cơ chế quản lý trong các lĩnh vực với trung tâm là cơ chế khoán quản trị chi phí nhằm nâng cao trách nhiệm quản lý và động lực mạnh mẽ hơn tăng hiệu quả kinh doanh, rà soát ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật theo hướng tiên tiến, đáp ứng yêu cầu tăng năng suất, giảm giá thành trong tình hình mới.

- Tăng cường công tác kiểm soát hoạt động của các Công ty con, phối hợp trong công tác điều hành sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả vốn đầu tư.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

1) Trần Hải Bình - Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam Ngày sinh: 16/10/1974 Nơi sinh: Hưng Yên
- Số CMND: 033074000030 Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Căn hộ E12A04-HH1- Tòa nhà The Manor- Khu đô thị Mỹ Đình- Mễ Trì, Tổ 5, Mỹ Đình 1- Quận Nam Từ Liêm- Thành phố Hà Nội
- Điện thoại liên lạc: 0913599863

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, kỹ sư khai thác mỏ
- Trình độ ngoại ngữ: Cử nhân ngoại ngữ (Tiếng Anh)
- Tổng số cổ phần nắm giữ:
 - Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không
 - Cá nhân sở hữu : 41 800 cổ phần
- Tổng số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: (bố mẹ đẻ, bố mẹ nuôi, vợ (chồng), con, anh chị em ruột.....: Không
- Những khoản nợ đối với Tổng công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổng công ty: Theo Luật DN và Điều lệ Tổng công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng công ty: Không

2) Vũ Đình Lên - Phó Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam Ngày sinh: 12/9/1960 Nơi sinh: Hải Dương
- Số CMND: 012557089 Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: 565 Đường Nguyễn Trãi - Hà Đông - Hà Nội
- Điện thoại liên lạc: 0913232498
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế mỏ
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh (A)
- Tổng số cổ phần nắm giữ:
 - Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước
 - Cá nhân sở hữu : 13 500 cổ phần
- Tổng số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: (bố mẹ đẻ, bố mẹ nuôi, vợ (chồng), con, anh chị em ruột.....: Không
- Những khoản nợ đối với Tổng công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổng công ty: Theo Luật DN và Điều lệ Tổng công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng công ty: Không

3) Ngô Ngọc Sơn: Phó Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam Ngày sinh: 19/8/1961 Nơi sinh: Bắc Ninh
- Số CMND: 011822545 Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 22- Khu A Học viện âm nhạc Quốc gia Hà Nội Ngõ 45 Hào Nam - Ô chợ Dừa - Đống Đa- Hà Nội
- Điện thoại liên lạc: 0913.346.966
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện mỏ, Kỹ sư kinh tế , Cử nhân luật
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh (A)
- Tổng số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không
 - + Cá nhân sở hữu : 3 000 Cổ phần
- Tổng số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: (bố mẹ đẻ, bố mẹ nuôi, vợ (chồng), con, anh chị em ruột.....: Không
- Những khoản nợ đối với Tổng công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổng công ty: Theo Luật DN và Điều lệ Tổng công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng công ty: Không

4) Vũ Minh Tân - Phó Tổng giám đốc

- Giới tính: Nam Ngày sinh: 01/01/1967 Nơi sinh: Thái Nguyên

- Số CMND: 090624114 Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 3- Phường Hoàng Văn Thụ-Thành phố Thái Nguyên- Thái Nguyên
- Điện thoại liên lạc: 0946.568.999
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế, Kỹ sư cơ khí chế tạo máy, Kỹ sư khai thác mỏ
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh (A)
- Tổng số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không
 - + Cá nhân sở hữu : Không
- Tổng số CP nắm giữ của người có liên quan: (bố mẹ đẻ, bố mẹ nuôi, vợ (chồng), con, anh chị em ruột.....: Không
- Những khoản nợ đối với Tổng công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổng công ty: Theo Luật DN và Điều lệ Tổng công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng công ty: Không

5) Lương Xuân Quang - Kế toán trưởng

- Giới tính: Nam Ngày sinh: 07/09/1977 Nơi sinh: Hải Phòng
- Số CMND: 090661810 Quốc tịch : Việt Nam Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phòng 708 Nơ 4A bán đảo Linh Đàm- Hoàng Liệt- Hoàng Mai- Hà Nội
- Điện thoại liên lạc: 0912.789.478
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ kinh tế công nghiệp
- Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh (A)
- Tổng số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước
 - + Cá nhân sở hữu : 11 600 cổ phần
- Tổng số CP nắm giữ của người có liên quan: (bố mẹ đẻ, bố mẹ nuôi, vợ (chồng), con, anh chị em ruột: 1 700 cổ phần
- Những khoản nợ đối với Tổng công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổng công ty: Theo Luật DN và Điều lệ Tổng công ty
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng công ty: Không

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách với người lao động:

- Tổng số cán bộ công nhân viên Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP là 1 997 người.
- Chính sách tiền lương: Tổng Công ty Công ty nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP đã ban hành quy chế về quản lý lao động tiền lương dựa trên các căn cứ quy định của nhà nước và của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam. Trả lương căn cứ vào năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc, không hạn chế mức tối đa đối với người có tài năng, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật giỏi, có đóng góp nhiều cho đơn vị. Phân phối tiền lương đảm bảo công khai, công bằng hợp lý cho từng người, từng bộ phận lao động. Ngoài việc trả lương theo thời gian, khoán sản phẩm, công việc cho người lao động. Tổng công ty còn áp dụng hình thức bổ sung tiền lương để khuyến khích người lao động làm việc đủ và vượt ngày công lao động

định mức, đảm bảo an toàn, tăng năng suất lao động (lũy tiến), tiết kiệm chi phí; bổ sung tiền lương cho NLĐ vào dịp lễ, tết, ngày thành lập đơn vị v.v.... Chính sách trả lương đã khuyến khích, động viên người lao động không ngừng phấn đấu tăng năng suất lao động, chất lượng công tác hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Chính sách bảo hiểm: Tổng công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm cho người lao động theo đúng quy định của Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành gồm: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp

- Chính sách khác: Tổng công ty xây dựng và ký kết Thỏa ước lao động tập thể với nhiều điều khoản có lợi hơn cho người lao động so với quy định của Nhà nước cụ thể như: . Thường xuyên quan tâm nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động, tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao, hội diễn văn nghệ trong Tổng công ty, giao lưu với các đơn vị bạn và với địa phương nơi đóng quân. Tổ chức thăm hỏi động viên kịp thời người lao động khi bị ốm đau, hiếu hỉ.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Tình hình thực hiện đầu tư xây dựng năm 2019:

Năm 2019, Giá trị thực hiện đầu tư (trước thuế) là 203 977 triệu đồng (bằng 69,13% kế hoạch năm (Kế hoạch ĐHCĐ giao 295 077 triệu đồng). Các dự án được triển khai khẩn trương đảm bảo tuân thủ qui định hiện hành, các công trình đưa vào sử dụng đều đã phát huy được hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất.

Giá trị thực hiện đầu tư thấp chủ yếu là do: (i) điều chỉnh lại tiến độ của dự án mở rộng nâng công suất mỏ than Na Dương theo tiến độ triển khai đầu tư xây dựng nhà máy nhiệt điện Na Dương II; (ii) Tiến độ đền bù giải phóng mặt bằng mở rộng khai trường và bãi đổ thải (giai đoạn I) của Công ty than Na Dương chưa đạt được kế hoạch đề ra.

3.2. Về các dự án lớn:

a) Dự án Mở rộng nâng công suất mỏ than Na Dương:

Dự án Mở rộng nâng công suất mỏ than Na Dương đã được Hội đồng quản trị, Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP phê duyệt tại Quyết định số 223/QĐ - HĐQT ngày 18/11/2016 với công suất thiết kế là 1.200.000 tấn than nguyên khai, với tổng mức đầu tư là 777,674 tỷ đồng.

- Mục tiêu của dự án là đầu tư nâng công suất mỏ từ 600.000 tấn/năm lên 1.200.000 tấn/năm đảm bảo cung cấp ổn định than cho nhà máy nhiệt điện Na Dương I và Na Dương II.

- Tính đến 31/12/2019 dự án đã thực hiện được với giá trị là: 5 782 triệu đồng, (dự án đã thực hiện xong công tác chuẩn bị đầu tư, và đang triển khai việc lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng hạng mục Phân xưởng khai thác vận tải và Xưởng sàng).

- Tiến độ thực hiện dự án chậm so với dự án phê duyệt là do Tổng công ty đã chủ động điều chỉnh tiến độ của dự án theo tiến độ triển khai xây dựng Nhà máy nhiệt điện Na Dương II.

b) Dự án khai thác lộ thiên mỏ Khánh Hòa:

Dự án khai thác lộ thiên mỏ Khánh Hòa đã được Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng Sản Việt Nam phê duyệt tại Quyết định số 1584/QĐ-TKV ngày 21/7/2014 với công suất là 800.000 tấn than nguyên khai/năm, Tổng mức đầu tư của dự án là 880,895 tỷ đồng (trong đó chi phí đền bù là 479,161 tỷ đồng chiếm 54,43 % tổng mức đầu tư), với tiến độ đầu tư là 3 năm.

- Tính đến 31/12/2018, dự án đã thực hiện xong phần chuẩn bị đầu tư với giá trị là 2 799 triệu đồng. Hiện dự án đang dừng triển khai do công tác đền bù gặp nhiều khó khăn do một số hộ dân trong khu vực yêu cầu đền bù không theo quy định của Nhà nước, Tổng công ty đang tiến hành đánh giá tổng thể tài nguyên, trữ lượng, hiện trạng khai thác để xây dựng kế hoạch phát triển dài hạn mỏ Khánh Hòa.

* Đánh giá: Các dự án đầu tư của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP phù hợp với Quy hoạch phát triển ngành than tại Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 14/03/2016 của Thủ Tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2020, có xét triển vọng đến năm 2030. Các dự án do Tổng công ty triển khai đảm bảo đúng quy định, phù hợp với tình hình thực tế và mang lại hiệu quả kinh tế.

3.3. Đầu tư vào các Công ty con, công ty liên kết:

a) Đầu tư vào công ty con:

TT	Công ty con	Vốn điều lệ (1000 đ)	Tỷ lệ góp vốn	Doanh thu hoạt động SXKD	Lợi nhuận trước thuế
1	Công ty CP Đầu tư và xây dựng-VVMI	10 197 000	51%	36 583 857 356	144 365 160
2	Công ty CP Cơ khí và TBAL-VVMI	12 000 000	51%	503 704 407 427	3 395 244 699
3	Công ty CP SX& KD VTTB-VVMI	12 500 000	51%	238 352 387 701	2 552 703 976
4	Công ty CP VLXD và KDTH-VVMI	7 500 000	51%	35 654 088 218	1 141 055 989
5	Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc-VVMI	9 000 000	51%	170 611 579 793	3 224 313 329
6	Công ty CP Xi măng Quán Triều-VVMI	250 000 000	84.91%	663 862 000 168	28 280 114 518
7	Công ty CP Khách sạn Thái Nguyên-VVMI	7 500 000	51%	17 982 104 854	47 271 573
8	Công ty CP Xi măng La Hiên-VVMI	100 000 000	51.38%	689 684 527 536	52 993 220 259
9	Công ty CP Xi măng Tân Quang-VVMI	350 000 000	57.14%	758 828 285 678	31 289 200 882

b) Đầu tư vào công ty liên kết:

TT	Công ty	Vốn ĐL (triệu đ)	Tỷ lệ góp vốn	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	Cổ tức (%)
1	Công ty CP Thiết bị khai thác mỏ	6 000	29%			

d. Đầu tư dài hạn khác:

TT	Công ty	Vốn ĐL (triệu đồng)	Tỷ lệ góp vốn	Cổ tức (%)
1	Công ty CP Than điện Nông Sơn	140 000	10.80%	
2	Công ty CP Đầu tư CN Hà Nội	100 000	1.5%	

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính (Từ 1/1/2019 – 31/12/2019):

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019 (Công ty mẹ)	Năm 2018 (Công ty mẹ)	Tăng giảm (%)
1	Tổng giá trị tài sản	1 951 477 862 319	1 752 826 519 564	11%
2	Doanh thu thuần	2404 261 189 558	2 323 118 418 987	3%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	335 954 172 336	234 349 754 598	43%
4	Lợi nhuận khác	-9 475 098 210	3 083 785 418	-407%
5	Lợi nhuận trước thuế	326 479 074 126	237 433 540 016	38%
6	Lợi nhuận sau thuế	263 970 581 198	191 267 772 952	38%
7	Tỷ lệ trả cổ tức	Dự kiến 18%	12%	

b. Các chỉ tiêu tài chính:

TT	Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2019 (Công ty mẹ)	Thời điểm 31/12/2019 (Hợp nhất)
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.63	0.712
	- Hệ số thanh toán nhanh	1.38	0.55
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
	- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.31	0.57
	- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.44	1.30
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	- Vòng quay hàng tồn kho	18.14	17.80
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	10.98%	6.48%
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	19.50%	19.27%
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	13.53%	8.37%
	- Hệ số lợi nhuận hoạt động KD/Doanh thu thuần	13.97%	8.06%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần của Tổng công ty: 105.000.000 cổ phần phổ thông (mệnh giá: 10.000 đ/cổ phần). Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do là 1 895 900 cổ phần, số còn lại: 103 104 100 cổ phần thuộc sở hữu nhà nước là Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam

b) Cơ cấu cổ đông:

- Cơ cấu cổ đông:

TT	Cổ đông	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ
1	Cổ đông nhà nước: Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	103 104 100	98,194%
2	Cổ đông pháp nhân trong nước	60 000	0,057%
3	Cổ đông thể nhân trong nước	1 818 900	1,732%
4	Cổ đông là thể nhân nước ngoài	17 000	0,017%
	Tổng cộng	105 000 000	100.000%

- Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổng công ty:

TT	Cổ đông	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ	Địa chỉ
1	Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	103 104 100	98,19%	Số 226 Đường Lê Duẩn - Quận Đống Đa Thành phố Hà Nội

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có sự thay đổi trong kỳ báo cáo.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có đợt phát hành chứng khoán khác trong kỳ báo cáo.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên nhiên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên nhiên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính trong năm (sản xuất khai thác than):

- Dầu diesel thiết bị khai thác than: 16 912 640 lít (tương ứng 243 918 triệu đồng);
- Xăng ô tô các loại: 1 13 936 lít (tương ứng 2 068 triệu đồng);
- Nguyên vật liệu khác tương ứng 155 380 triệu đồng.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên nhiên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính trong năm: không tái chế và được bán cho đơn vị có chức năng tái chế để đảm bảo vệ sinh môi trường.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

Năng lượng điện tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp các đơn vị sản xuất than thuộc Công ty mẹ và Văn phòng Tổng công ty năm 2019 là: 15 488 149 kW

6.3. Tiêu thụ nước: Trong năm 2019 lượng nước tiêu thụ dùng cho các đơn vị trực thuộc Tổng công ty, cụ thể: nước dùng cho sinh hoạt là 78 767 m³, lượng nước dùng cho SX phục vụ tưới đường giảm bụi và vệ sinh công nghiệp là 232 498 m³ và lượng nước tái chế sử dụng phục vụ cho việc rửa xe là 1 338m³.

Lượng nước sử dụng trong sinh hoạt được thu gom qua các hệ thống bể lắng và xử lý sau đó xả ra môi trường. Các nguồn nước dùng cho rửa xe và vệ sinh mặt bằng sân công nghiệp...đều được thu gom, xử lý qua các hệ thống đạt tiêu chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Các đơn vị đều thực hiện nghiêm túc việc chấp hành luật bảo vệ môi trường và không bị xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường trong năm 2019.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động.

- Số lượng lao động: 1 997 người

- Mức lương trung bình đối với người lao động: 10 899 000 đồng

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn cho người lao động: Do đặc thù là ngành sản xuất khai thác than, người lao động thường xuyên phải tiếp xúc với máy móc, trang thiết bị, công cụ lao động và môi trường độc hại, nên nguy cơ xảy ra sự cố thiết bị, tai nạn lao động và mắc bệnh nghề nghiệp là rất lớn. Vì vậy, hằng năm khi xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh Tổng công ty đều xây dựng kế hoạch về bảo hộ lao động với các biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện lao động. Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động; chăm sóc sức khỏe người lao động, phòng ngừa bệnh nghề nghiệp; tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện bảo hộ lao động. Thường xuyên theo dõi sự phát sinh các yếu tố có hại trong quá trình sản xuất, thực hiện các biện pháp bổ sung làm giảm các yếu tố có hại, đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh cho phép.

- Chính sách về phúc lợi cho người lao động: Hằng năm, Tổng công ty đều tổ chức cho một số NLĐ ưu tú có nhiều đóng góp cho doanh nghiệp được đi tham quan, nghỉ mát. Tổ chức cho người lao động sức khỏe yếu, có thành tích trong công tác v.v.... được nghỉ điều dưỡng tại các cơ sở điều dưỡng của TKV (trong đó ưu tiên với NLĐ làm việc trong hầm lò và làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại). Đối với các trường hợp mắc bệnh nghề nghiệp, bệnh bụi phổi được khám, điều trị bệnh nghề nghiệp, rửa phổi tại Bệnh viện Than – Khoáng sản Việt Nam và được nghỉ điều dưỡng sau rửa phổi tại các cơ sở điều dưỡng của Tập đoàn.

- Thực hiện việc tăng lương cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước. Có chế độ khen thưởng tùy thuộc vào hiệu quả sản xuất, kinh doanh và kết quả đóng góp của người lao động v.v....

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Không có

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2019, Bộ máy điều hành Tổng công ty đã nỗ lực thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, điều hành và nêu cao vai trò trách nhiệm trước đại cổ đông, đã vượt qua những khó khăn, để thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao, tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Với những kết quả đạt được trong công tác quản lý và sản xuất, bộ máy điều hành Tổng công ty đã góp phần không nhỏ vào việc thực hiện nhiệm vụ chung của Tổng công ty, đưa Tổng công ty ngày càng ổn định và phát triển lớn mạnh. Đã tập trung giải quyết được một số công việc trọng tâm như sau:

- Từ Tổng công ty đến các đơn vị đã thực hiện rà soát, hoàn thiện lại cơ chế quản lý trong các lĩnh vực với trung tâm là cơ chế khoán quản trị chi phí nhằm nâng cao trách nhiệm quản lý và động lực mạnh mẽ hơn tăng hiệu quả kinh doanh, rà

soát ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật theo hướng tiên tiến, đáp ứng yêu cầu tăng năng suất, giảm giá thành trong tình hình mới.

- Tăng cường công tác kiểm soát hoạt động của các Công ty con, phối hợp trong công tác điều hành sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả vốn đầu tư.

2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản công ty mẹ:

Tài sản của công ty mẹ - Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV –CTCP tại thời điểm 1/1/2019 là: 1.752.826.519.564 đồng, tại thời điểm 31/12/2019 là 1.951.477.862.319 đồng.

Nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2019 là 648.831.829.622 □□ng, trong đó trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là 336.583.700 đồng.

b. Tình hình nợ phải trả công ty mẹ:

Nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2019 là 597.507.281.121 đồng, trong đó: Nợ ngắn hạn là 436.878.750.861 đồng, nợ dài hạn là 160.628.530.260 đồng, không có nợ phải trả xấu, không bị ảnh hưởng xấu của chênh lệch tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động kinh doanh.

3. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

4. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

*** Tiêu thụ nước:**

- Lượng nước sinh hoạt sử dụng được mua từ các Công ty có chức năng được phép cung cấp như Công ty nước sạch Thái Nguyên, công ty CP VIWACO, Xí nghiệp khai thác công trình Thủy Nông của Huyện Lộc Bình – Lạng Sơn.

- Lượng nước bơm từ giếng khoan có giấy phép khai thác và không làm ảnh hưởng đến mực nước trong khu vực.

* Nguồn năng lượng tiêu thụ: Đơn vị sử dụng chủ yếu là điện năng, các đơn vị luôn ý thức tiết kiệm điện, hạn chế sử dụng các thiết bị trong giờ cao điểm.

*** Về khí thải và rác thải trong sản xuất kinh doanh của đơn vị:**

- Khí thải được phát sinh từ ô tô, máy xúc, máy gạt..., để hạn chế lượng khí thải gây ảnh hưởng đến môi trường Tổng công ty luôn thực hiện việc bảo dưỡng, trung đại tu và thay thế thiết bị theo định kỳ nhằm làm giảm độ rung, tiếng ồn và lượng khí thải phát sinh ra môi trường xung quanh.

- Rác thải: Gồm rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường, nguy hại:

+ Rác thải sinh hoạt được thu gom hàng ngày tập kết tại các nơi quy định và được các đơn vị ký hợp đồng hàng năm với các đơn vị có đủ chức năng vận chuyển đi tiêu hủy theo hợp đồng đã ký.

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường chủ yếu là đất đá thải sinh ra từ việc khai thác than, lượng đất đá thải này được vận chuyển và đổ thải theo đúng thiết kế của dự án đã được duyệt.

+ Chất thải nguy hại: Được thu gom phân loại và lưu giữ trong kho chứa chất thải nguy hại, có biển báo, dán tem nhãn chi tiết cho từng loại chất thải và được bảo

quản theo quy định. Hàng năm ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để vận chuyển xử lý theo quy định.

- Nước thải: Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất được xử lý qua các hệ thống xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Người lao động trong Tổng công ty đã được bố trí việc làm đầy đủ, có thu nhập, làm việc trong môi trường đảm bảo an toàn. Các chính sách xã hội, an sinh, quyền lợi người lao động đều được Tổng công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động và Thỏa ước lao động tập thể.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Các đơn vị của Tổng công ty đóng trên nhiều địa bàn thuộc các tỉnh, thành phố đều thực hiện tốt các chính sách xã hội của địa phương, hài hòa và thân thiện với môi trường sống của cộng đồng dân cư cùng tồn tại phát triển bền vững.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng công ty:

1. Đánh giá chung của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng công ty:

Tổng công ty ổn định sản xuất kinh doanh, sản xuất than và xi măng theo nhu cầu thị trường, đầu tư hợp lý và có hiệu quả các dự án phục vụ SXKD trước mắt và phát triển lâu dài. Bước đầu thực hiện đề án tái cơ cấu, hoàn thiện tổ chức, cơ chế quản lý, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngân sách với nhà nước, đảm bảo quyền lợi các cổ đông, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Tổng công ty:

- Nghiêm chỉnh chấp hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; các nghị quyết, quyết định của HĐQT Tổng công ty; tuân thủ các quy định của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam và các quy định của pháp luật.

- Đoàn kết, tích cực tìm kiếm và triển khai các giải pháp trong tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh, kịp thời xử lý vướng mắc khó khăn trong quá trình sản xuất, tiết kiệm chi phí, chống lãng phí trong sản xuất, đảm bảo an toàn, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động; hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch SXKD theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Bộ máy điều hành căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 chủ động, linh hoạt nắm bắt thời cơ, sáng tạo giải quyết những khó khăn vướng mắc trong điều kiện tình hình thế giới và đất nước có nhiều diễn biến khó khăn, phức tạp khó lường để thực hiện nhiệm vụ SXKD đảm bảo hiệu quả.

- Tiếp tục chỉ đạo Bộ máy điều hành và NĐDPV của Tổng công ty nghiên cứu và có các giải pháp điều hành hữu hiệu để tăng hiệu quả SXKD của Công ty CP Xi măng Quán Triều và Công ty CP Xi măng Tân Quang.

- Tiếp tục phối hợp với Tập đoàn TKV thực hiện Đề án tái cơ cấu Tổng công ty: Thoái vốn của TKV tại Tổng công ty từ 98,19% vốn điều lệ hiện nay xuống còn 65%.

- Tiếp tục thực hiện kế hoạch sắp xếp các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ, thoái vốn Công ty mẹ - Tổng công ty tại các công ty năm 2018 – 2020 như sau:

+ Châm dứt hoạt động Chi nhánh Trung tâm Điều dưỡng ngành Than.

+ Thoái hết vốn Công ty mẹ - Tổng công ty tại các đơn vị: Công ty CP Sản xuất & KDVTTB, Công ty CP Cơ khí & TBAL, Công ty CP Đầu tư & XD, Công ty CP Khách sạn Thái Nguyên.

+ Thoái vốn Công ty mẹ - Tổng công ty về 51% tại Công ty CP XM Quán Triều.

+ Thoái vốn Công ty mẹ - Tổng công ty về 36% tại các Công ty con: Công ty CP Vật liệu XD và kinh doanh tổng hợp - VVMI; Công ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị 05 người gồm: Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc và 03 thành viên. Các thành viên HĐQT do Đại hội đồng cổ đông bầu.

- Danh sách thành viên Hội đồng quản trị năm 2019:

1) Ông Lê Quang Bình: Chủ tịch Hội đồng quản trị

+ Sinh ngày: 25/12/1964

+ Quê quán: xã Sơn Bằng - huyện Hương Sơn - tỉnh Hà Tĩnh

+ Nơi ở hiện nay: Căn hộ R2 1202, Tòa nhà R2, Khu đô thị Royalcity 72A – Nguyễn Trãi – Thanh Xuân – Hà Nội

+ Dân tộc: Kinh

+ Tôn giáo: Không

+ Trình độ học vấn: Tốt nghiệp đại học

+ Trình độ chuyên môn cao nhất: Thạc sỹ kinh tế, kỹ sư máy mỏ

+ Lý luận chính trị: Cao cấp

+ Ngoại ngữ: Anh văn C

+ Tổng số CP nắm giữ:

Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: 103 104 100 cổ phần

Cá nhân sở hữu: 10 000 cổ phần

+ Tổng số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: (bố mẹ đẻ, bố mẹ nuôi, vợ (chồng), con, anh chị em ruột.....): Không

+ Những khoản nợ đối với Tổng công ty: Không

+ Lợi ích liên quan đối với Tổng công ty: Theo Luật DN và Điều lệ Tổng công ty

+ Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng công ty: Không

2) Ông Trần Hải Bình: Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc

Như báo cáo tại Mục 2.1. Ban điều hành

3) Ông Đặng Văn Tùng: Thành viên chuyên trách HĐQT

+ Sinh ngày: 20/12/1964

+ Quê quán: xã An Lộc - huyện Cam Lộc - tỉnh Hà Tĩnh

+ Nơi ở hiện nay: Tòa C73212 D'capitale 119 Trần Duy Hưng – Cầu Giấy - HN
Tổ 1A khu 1 Phường Hồng Hà - TP Hạ Long – Quảng Ninh.

+ Dân tộc: Kinh

+ Tôn giáo: Không

+ Trình độ học vấn: Tốt nghiệp đại học

+ Trình độ chuyên môn cao nhất: Kỹ sư khai thác mỏ

+ Lý luận chính trị: Cao cấp

- + Ngoại ngữ: Tiếng Anh (A)
- + Tổng số CP nắm giữ:
Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không
Cá nhân sở hữu: Không
- + Tổng số CP nắm giữ của người có liên quan: (bố mẹ đẻ, bố mẹ nuôi, vợ (chồng), con, anh chị em ruột.....): Không
- + Những khoản nợ đối với Tổng công ty: Không
- + Lợi ích liên quan đối với Tổng công ty: Theo Luật DN và Điều lệ Tổng công ty
- + Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng công ty: Không

4) Ông Vũ Đình Lên: Thành viên HĐQT

Như báo cáo tại Mục 2.1. Ban điều hành

5) Ông Vũ Minh Tân: Thành viên HĐQT

Như báo cáo tại Mục 2.1. Ban điều hành

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không thành lập.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Trong năm 2019, HĐQT đã thực hiện tốt vai trò cơ quan quản lý Tổng công ty; quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty. Từng thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, thực hiện việc quản lý chặt chẽ đảm bảo lợi ích Tổng công ty và các cổ đông.

- Duy trì tổ chức họp tại trụ sở Tổng công ty định kỳ 02 lần/tháng; bám sát nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2019, cơ chế điều hành phối hợp của TKV; tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp. Ngoài ra, theo yêu cầu của sản xuất đã tiến hành họp đột xuất để kịp thời giải quyết các vấn đề khó khăn trong sản xuất, trong hoạt động tài chính, các vấn đề liên quan đến quản lý điều hành của Tổng công ty theo đúng thẩm quyền của HĐQT.

- Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Tổng công ty đều được các thành viên HĐQT biểu quyết nhất trí cao đáp ứng được yêu cầu quản lý cũng như hoạt động sản xuất của Tổng công ty.

- Hội đồng quản trị đã chủ động giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT; Ban hành các Nghị quyết chỉ đạo người đại diện của Tổng công ty tại các Công ty con là Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty trong việc triển khai các vấn đề trong quá trình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh

- Số buổi họp HĐQT và tỷ lệ tham dự họp của các Thành viên:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Lê Quang Bình	Chủ tịch	28/8/2015	27	100%
2	Trần Hải Bình	Thành viên – Tổng GĐ	28/8/2015	27	100%
3	Đặng Văn Tùng	Thành viên chuyên trách	25/10/2016	27	100%
4	Vũ Đình Lên	Thành viên – Phó TGD	28/8/2015	27	100%
5	Vũ Minh Tân	Thành viên – Phó TGD	01/01/2018	27	100%

- Số văn bản nghị quyết, quyết định của HĐQT Tổng công ty năm 2019:

TT	Số văn bản	Ngày tháng	Trích yếu nội dung văn bản
1	02/NQ-HĐQT	08-01	Tuyển dụng lao động và tạm giao đơn giá tiền lương năm 2019
2	03/NQ-HĐQT	08-01	Thông qua các giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện KH PHKD năm 2019
3	04/NQ-HĐQT	08-01	Chủ trương bổ nhiệm 01 Phó giám đốc C.ty CP XM La Hiên
4	05/NQ-HĐQT	08-01	Thông qua phê duyệt phương án đền bù GPMB mở rộng bãi đổ thải giai đoạn II- C.ty than Na Dương
5	06/NQ-HĐQT	08-01	Thông qua tạm giao KH ĐTXD năm 2019
6	07/NQ-HĐQT	08-01	Giao TGD triển khai thực hiện chỉ đạo của TKV tại văn bản số 85/TKV-VTM
7	08/QĐ-HĐQT	08-01	Phê duyệt phương án đền bù GPMB mở rộng bãi đổ thải giai đoạn II- C.ty than Na Dương
8	09/QĐ-HĐQT	08-01	Tạm giao KH ĐTXD năm 2019
9	10/QĐ-HĐQT	08-01	Đơn giá tiền lương năm 2019 và phê duyệt kế hoạch tiền lương đối với người quản lý
10	12/NQ-HĐQT	24-01	Thông qua hỗ trợ kinh phí cho 44 hộ dân để sửa chữa công trình bị sụt lún do ảnh hưởng khai thác mỏ than Núi Hồng
11	13/NQ-HĐQT	24-01	Thông qua phê duyệt phương án nắn suối Toòng Gianh (Từ thôn Toòng Gianh- xã Sần Viên đến thôn Bản Mới- xã Tú Đoạn)
12	14/NQ-HĐQT	24-01	Giao TGD triển khai thực hiện chỉ đạo của TKV
13	15/QĐ-HĐQT	25-01	Phê duyệt phương án nắn suối Toòng Gianh (Từ thôn Toòng Gianh- xã Sần Viên đến thôn Bản Mới- xã Tú Đoạn)
14	19/NQ-HĐQT	30-01	Thông qua ban hành hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp áp dụng trong Công ty mẹ-Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP
15	20/NQ-HĐQT	30-01	Thông qua chủ trương xây dựng khu tái định cư phục vụ bồi thường GPMB mở rộng Bắc khai trường C.ty than Khánh Hòa
16	21/QĐ-HĐQT	30-01	Ban hành hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp áp dụng trong Công ty mẹ- Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP
17	25/NQ-HĐQT	25-02	Thông qua các nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 các Công ty con

TT	Số văn bản	Ngày tháng	Trích yếu nội dung văn bản
18	26/NQ-HĐQT	26-02	Thông qua tiếp nhận và tuyển dụng lao động làm việc tại cơ quan điều hành
19	27/NQ-HĐQT	26-02	Thông qua nhân sự tham gia BKS để biểu quyết tại ĐHĐCĐ năm 2019 các Công ty con
20	28/NQ-HĐQT	26-02	Thông qua chủ trương bổ nhiệm 01 PGĐ C.ty CP XM Tân Quang
21	29/NQ-HĐQT	26-02	Giao cho TGD chỉ đạo thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, GPMB các hộ dân bị thu hồi đất có nguy cơ sạt lún tại xóm 12 xã Phúc Hà
22	30/NQ-HĐQT	26-02	Thông qua các nội dung liên quan tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
23	41/QĐ-HĐQT	04-03	Thay đổi Người đại diện tham gia BKS Công ty CP Đầu tư và Xây dựng
24	42/QĐ-HĐQT	04-03	Thay đổi Người đại diện tham gia BKS Công ty CP SX&KD VTTB
25	43/QĐ-HĐQT	04-03	Thay đổi Người đại diện tham gia BKS Công ty CP XM Tân Quang
26	44/QĐ-HĐQT	04-03	Thay đổi Người đại diện tham gia BKS Công ty CP CK&TBAL
27	45/QĐ-HĐQT	04-03	Thay đổi Người đại diện tham gia BKS Công ty CP CKM Việt bắc
28	46/QĐ-HĐQT	04-03	Thay đổi Người đại diện tham gia BKS Công ty CP Thiết bị khai thác mỏ
29	47/QĐ-HĐQT	06-03	Đính chính Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phục cấp lương Công ty mẹ- TCT CNM Việt Bắc
30	50/NQ-HĐQT	11-03	Thông qua phê duyệt dự án Đầu tư xe ô tô tự đổ trọng tải 55-60 tấn phục vụ sản xuất năm 2019
31	51/NQ-HĐQT	11-03	Thông qua định mức nh cầu vốn lưu động và hệ số tài chính năm 2019
32	52/NQ-HĐQT	11-03	Thông qua phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án “Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2018”
33	53/QĐ-HĐQT	12-03	Phê duyệt dự án Đầu tư xe ô tô tự đổ trọng tải 55-60 tấn phục vụ sản xuất năm 2019
34	54/QĐ-HĐQT	12-03	Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án: Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2018
35	55/QĐ-HĐQT	12-03	Ban hành Quy chế quản lý công tác vật tư TCT CNM Việt Bắc TKV-CTCP

TT	Số văn bản	Ngày tháng	Trích yếu nội dung văn bản
36	59/QĐ-HĐQT	14-03	Ban hành Quy chế quản trị chi phí kinh doanh TCT CNM Việt Bắc
37	62/NQ-HĐQT	25-03	Thông qua cử người đại diện tham gia Ban Kiểm soát C.ty CP Khách sạn Thái Nguyên
38	63/NQ-HĐQT	25-03	Thông qua thành lập Ban tổ chức và các tiểu ban phục vụ ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
39	64/NQ-HĐQT	25-03	Thông qua các báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
40	65/NQ-HĐQT	25-03	Thông qua bổ nhiệm 01 Phó giám đốc C.ty CP XM La Hiên
41	66/NQ-HĐQT	25-03	Thông qua giao kế hoạch PHKD quý II/2019
42	67/NQ-HĐQT	25-03	Thông qua thực hiện các văn bản của TKV
43	68/NQ-HĐQT	25-03	Thông qua đánh giá hiệu quả và xếp loại doanh nghiệp năm 2018
44	69/QĐ-HĐQT	25-03	Ban hành Quy chế quản lý đầu tư xây dựng TCT CNM Việt Bắc.
45	70/QĐ-HĐQT	25-03	Thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên TCT CNM Việt Bắc
46	71/QĐ-HĐQT	25-03	Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên TCT CNM Việt Bắc năm 2019
47	72/QĐ-HĐQT	25-03	Thành lập tổ giúp việc Ban thư ký Đại hội đồng cổ đông thường niên TCT CNM Việt Bắc năm 2019
48	73/QĐ-HĐQT	25-03	Thay đổi Người đại diện tham gia BKS C.ty CP Khách sạn Thái Nguyên
49	75/NQ-HĐQT	27-03	Thông qua phê duyệt hồ sơ mời thầu Gói thầu số 1 “Cung cấp 08 xe ô tô tự đổ 55-60 tấn” thuộc DA “Đầu tư xe ô tô tự đổ 55-60 tấn phục vụ sản xuất năm 2019”
50	76/QĐ-HĐQT	27-03	Phê duyệt hồ sơ mời thầu Gói thầu số 1 “Cung cấp 08 xe ô tô tự đổ 55-60 tấn” thuộc DA “Đầu tư xe ô tô tự đổ 55-60 tấn phục vụ sản xuất năm 2019”
51	77/QĐ-HĐQT	29-03	Xếp loại doanh nghiệp năm 2018 C.ty CP Cơ khí mỏ Việt Bắc
52	78/QĐ-HĐQT	29-03	Xếp loại doanh nghiệp năm 2018 C.ty CP Đầu tư và xây dựng

TT	Số văn bản	Ngày tháng	Trích yếu nội dung văn bản
53	79/QĐ-HĐQT	29-03	Xếp loại doanh nghiệp năm 2018 C.ty CP SX&KD VTTB
54	80/QĐ-HĐQT	29-03	Xếp loại doanh nghiệp năm 2018 C.ty CP XM Quán Triều
55	81/QĐ-HĐQT	29-03	Xếp loại doanh nghiệp năm 2018 C.ty CP XM Tân Quang
56	82/QĐ-HĐQT	29-03	Xếp loại doanh nghiệp năm 2018 C.ty CP XM La Hiên
57	83/QĐ-HĐQT	29-03	Xếp loại doanh nghiệp năm 2018 C.ty CP CK&TBAL
58	84/QĐ-HĐQT	29-03	Xếp loại doanh nghiệp năm 2018 C.ty CP Khách sạn Thái Nguyên
59	85/QĐ-HĐQT	29-03	Xếp loại doanh nghiệp năm 2018 C.ty CP VLXD&KDTN
60	95/NQ-HĐQT	16-04	NQ thông qua nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ năm 2019 C.ty CPTB khai thác mỏ
61	97/QĐ-HĐQT	16-04	Cử người đại diện của Tổng Công ty CNM Việt Bắc tham gia HĐQT, BKS Công ty CP Thiết bị khai thác mỏ nhiệm kỳ 2019-2024
62	98/NQ-HĐQT	16-04	Thông qua giao cho TGD triển khai thực hiện hợp đồng tín dụng dự án Đầu tư xe ô tô tự đổ tải trọng 55-60 tấn phục vụ sản xuất năm 2019
63	99/NQ-HĐQT	16-04	Thông qua phê duyệt dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2019
64	100/NQ-HĐQT	16-04	Bổ nhiệm 01 Phó giám đốc C.ty CP XM Tân Quang
65	101/NQ-HĐQT	16-04	Thông qua thuê thầu khai thác than năm 2019
66	102/QĐ-HĐQT	18-04	Phê duyệt dự án Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2019
67	103/QĐ-HĐQT	23-04	Giao các chỉ tiêu chủ yếu KH năm 2019 C.ty mẹ TCT CNM Việt Bắc
68	104/QĐ-HĐQT	23-04	Giao KH ĐTXD năm 2019
69	106/NQ-HĐQT	26-04	Thông qua việc nâng lương Tổng giám đốc
70	107/QĐ-HĐQT	26-04	Nâng lương cán bộ quản lý
71	108/NQ-HĐQT	06-05	Chi trả cổ tức năm 2018 bằng tiền mặt
72	110/NQ-HĐQT	06-05	Thông qua các nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 Công ty CP Than điện Nông Sơn Vinacomin

TT	Số văn bản	Ngày tháng	Trích yếu nội dung văn bản
73	112/NQ-HĐQT	06-05	Thông qua chủ trương tiếp nhận, bổ nhiệm cán bộ quản lý cho Công ty CP Xi măng Tân Quang
74	113/NQ-HĐQT	06-05	Thông qua giao cho TGD chỉ đạo mua vỏ bao XM của C.ty CP SX&KD VTTB
75	114/NQ-HĐQT	06-05	Thông qua phê duyệt kế hoạch sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019 của TCT
76	115/NQ-HĐQT	06-05	Thông qua phê duyệt E- Hồ sơ mời đấu thầu gói thầu Gói thầu số 2 “Cung cấp 02 máy gặt công suất ≥ 180 HP thuộc DA Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2019”
77	116/NQ-HĐQT	06-05	Thông qua phê duyệt chuyển việc lập Báo cáo KTKT sang việc lập phương án và phê duyệt Đề cương, chi phí tư vấn lập phương án : Nắn suối Tân Long phục vụ mở rộng Bắc khai trường- C.ty than Khánh Hòa
78	118/QĐ-HĐQT	09-05	Phê duyệt chuyển việc lập Báo cáo KTKT sang việc lập phương án và phê duyệt Đề cương, chi phí tư vấn lập phương án : Nắn suối Tân Long phục vụ mở rộng Bắc khai trường- C.ty than Khánh Hòa
79	119/QĐ-HĐQT	13-05	Phê duyệt E- Hồ sơ mời đấu thầu gói thầu Gói thầu số 2 “Cung cấp 02 máy gặt công suất ≥ 180 HP thuộc DA Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2019”
80	121/NQ-HĐQT	20-05	Thông qua phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu kiểm toán BCTC năm 2019
81	122/NQ-HĐQT	20-05	Thông qua giao kế hoạch PHKD năm 2019
82	123/QĐ-HĐQT	20-05	Giao chỉ tiêu chủ yếu KH PHKD năm 2019 TCT CNM Việt Bắc
83	125/NQ-HĐQT	27-05	Thông qua phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 1: “Cung cấp 08 xe ô tô tự đổ tải trọng 55-60 tấn”
84	126/NQ-HĐQT	27-05	Thông qua việc cử cán bộ đi khảo sát cải tạo công nghệ sản xuất xi măng tại Trung Quốc
85	127/NQ-HĐQT	27-05	Giao Tổng giám đốc triển khai thực hiện chỉ đạo của TKV
86	128/NQ-HĐQT	27-05	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 1: “Cung cấp 08 xe ô tô tự đổ tải trọng 55-60 tấn” thuộc dự án đầu tư xe ô tô tự đổ tải trọng 55-60 tấn phục vụ sản xuất năm 2019
87	129/NQ-HĐQT	27-05	Thông qua việc thuê ngoài sàng tuyển, chế biến than từ sản phẩm ngoài than
88	130/NQ-HĐQT	27-05	Thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần

TT	Số văn bản	Ngày tháng	Trích yếu nội dung văn bản
89	132/QĐ-HĐQT	04-06	Ban hành Quy chế quản lý lao động- tiền lương TCT CNM Việt Bắc
90	134/NQ-HĐQT	10-06	Thông qua phê duyệt định mức dư nợ tiền mua than của C.ty CP XM Tân Quang
91	135/NQ-HĐQT	10-06	Thông qua phê duyệt định mức dư nợ tiền mua than của C.ty CP XM Quán Triều
92	136/QĐ-HĐQT	12-06	Ban hành Quy chế quản lý Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi của Công ty mẹ- TCT CNM Việt Bắc TKV-CTCP
93	138/QĐ-HĐQT	12-06	Ban hành quy chế thi đua khen thưởng TCT CNM Việt Bắc
94	140/NQ-HĐQT	27-06	Thông qua giao kế hoạch PHKD quý III/2019
95	141/NQ-HĐQT	27-06	Thông qua phê duyệt điều chỉnh thiết kế nắn dòng do trượt lở ta- luy suối từ cọc 72 đến 90 khi thi công suối Toòng Gianh
96	142/NQ-HĐQT	27-06	Thông qua điều chỉnh một số nội dung của dự án đền bù GPMB tuyến XIX đến XXIII thấu kính III phục vụ sản xuất C.ty than Núi Hồng
97	143/NQ-HĐQT	27-06	Thông qua thuê xe ô tô tự đồ khung cứng, tải trọng 55-60 tấn phục vụ sản xuất C.ty than Khánh Hòa
98	144/NQ-HĐQT	27-06	Bổ nhiệm Trưởng phòng An toàn- Bảo vệ
99	145/QĐ-HĐQT	02-07	Phê duyệt điều chỉnh thiết kế nắn dòng do trượt lở ta- luy suối từ cọc 72 đến 90 khi thi công suối Toòng Gianh
100	150/NQ-HĐQT	12-07	Giao TGD triển khai thực hiện chỉ đạo của TKV
101	152/QĐ-HĐQT	16-07	Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động công tác thanh tra trong TCT CNM Việt Bắc
102	154/NQ-HĐQT	23-07	Hủy thầu gói thầu số 2 "Cung cấp 02 máy gạt công suất ≥ 180 HP" thuộc dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2019
103	155/NQ-HĐQT	23-07	Điều chỉnh nội dung Nghị quyết số 143/NQ-HĐQT ngày 27/6/2019 thuê 03 xe ô tô tự đồ 55-60 tấn phục vụ sản xuất của C.ty than Khánh Hòa
104	156/NQ-HĐQT	23-07	Thông qua phê duyệt quyết toán vốn đầu tư DA: Bồi thường GPMB mở rộng khai trường SX và bãi đổ thải giai đoạn I- C.ty than Na Dương (đợt 4)
105	158/NQ-HĐQT	23-07	Tổ chức kỷ niệm 70 năm thành lập C.ty than Khánh Hòa

TT	Số văn bản	Ngày tháng	Trích yếu nội dung văn bản
106	159/NQ-HĐQT	23-07	Thông qua giao cho TGD triển khai thực hiện bảo lãnh vay vốn ngân hàng cho C.ty CP XM Tân Quang năm 2019
107	160/NQ-HĐQT	23-07	Không trích, chuyển thù lao năm 2019 về TCT của những người đại diện TCT tham gia HĐQT, BKS C.ty CP ĐT&XD
108	161/QĐ-HĐQT	25-07	Hủy Gói thầu số 02 "Cung cấp 02 máy gạt công suất \geq 180 HP" thuộc dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2019
109	163/QĐ-HĐQT	29-07	Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động pháp chế trong TCT CNM Việt Bắc TKV-CTCP
110	164/QĐ-HĐQT	29-07	Phê duyệt quyết toán dự án bồi thường GPMB mở rộng khai trường sản xuất và bãi đổ thải giai đoạn I - C.ty than Na Dương (đợt 4)
111	169/NQ-HĐQT	19-08	Thông qua không đầu tư hạng mục nắn suối Toòng Gianh thuộc Dự án Mở rộng nâng công suất mỏ than Na Dương
112	170/NQ-HĐQT	19-08	Thông qua sửa đổi Quy chế lao động - tiền lương của TCT CNM Việt Bắc
113	171/NQ-HĐQT	19-08	Thông qua việc thuê hoạt động xe ô tô bán tải hai cầu phục vụ điều hành sản xuất C.ty than Khánh Hòa
114	172/NQ-HĐQT	19-08	Thông qua phương án thuê ngoài sàng tuyển than từ sản phẩm ngoài tiêu chuẩn than của C.ty than Na Dương
115	173/NQ-HĐQT	19-08	Thông qua phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn niêm yết cổ phiếu TCT CNM Việt Bắc
116	174/NQ-HĐQT	19-08	Thông qua giao cho Tổng giám đốc triển khai thực hiện chỉ đạo của TKV tại văn bản số 4182/TKV-TN
117	175/QĐ-HĐQT	20-08	Sửa đổi Quy chế quản lý lao động - tiền lương TCT CNM Việt Bắc
118	178/NQ-HĐQT	22-08	Thông qua việc ký hợp đồng vay vốn để thực hiện phương án đền bù GPMB mở rộng Bắc khai trường phục vụ sản xuất của C.ty than Khánh Hòa
119	181/NQ-HĐQT	26-08	Thông qua phê duyệt phương án bồi thường GPMB mở rộng khu 5 thầu kinh II Công ty than Núi Hồng
120	182/NQ-HĐQT	09-09	Thông qua tổng hợp quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án Đầu tư khai thác hầm lò rửa moong C.ty than Khánh Hòa
121	183/NQ-HĐQT	09-09	Thông qua thuê xe ô tô tự đổ khung cứng, tải trọng 55-60 tấn phục vụ sản xuất C.ty than Na Dương

TT	Số văn bản	Ngày tháng	Trích yếu nội dung văn bản
122	184/NQ-HĐQT	09-09	Thông qua phân cấp quyết định và xin ý kiến của TCT khi các đơn vị sản xuất xi măng phát sinh chi phí ngoài kế hoạch
123	178/NQ-HĐQT	09-09	Thông qua việc ký hợp đồng vay vốn để thực hiện phương án đền bù GPMB mở rộng Bắc khai trường phục vụ sản xuất của C.ty than Khánh Hòa
124	188/QĐ-HĐQT	16-09	Thông qua phê duyệt phương án bồi thường GPMB mở rộng khu 5 thấu kính II Công ty than Núi Hồng
125	190/NQ-HĐQT	16-09	Thông qua bổ nhiệm lại Giám đốc Công ty CP Khách sạn Thái Nguyên
126	192/NQ-HĐQT	23-09	Thông qua nâng lương Trưởng Ban Kiểm soát Tổng Công ty
127	193/NQ-HĐQT	23-09	Thông qua cơ chế chế sử dụng Quỹ hỗ trợ người lao động và Quỹ phúc lợi Tổng Công ty
128	194/NQ-HĐQT	23-09	Thông qua bổ nhiệm lại chức vụ Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và Xây dựng
129	195/NQ-HĐQT	26-09	Thông qua phê duyệt phương án: Đền bù xây dựng công trình đường thay thế chân bãi thải Tây - C.ty than Khánh Hòa
130	196/QĐ-HĐQT	26-09	Quyết định phê duyệt phương án: Đền bù xây dựng công trình đường thay thế chân bãi thải Tây - C.ty than Khánh Hòa
131	198/QĐ-HĐQT	26-09	Nâng lương cán bộ quản lý
132	200/NQ-HĐQT	30-09	Thông qua giao kế hoạch PHKD quý IV/2019
133	201/NQ-HĐQT	30-09	Thông qua phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án Đầu tư xe ô tô tự đổ trọng tải 55-60 tấn phục vụ sản xuất năm 2019
134	202/NQ-HĐQT	30-09	Thông qua bổ sung thiết kế và dự toán hạng mục của Gói thầu số 2: Thi công xây dựng công trình Nhà ở công nhân C.ty than Na Dương
135	203/NQ-HĐQT	30-09	Thông qua chuyển bước kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019
136	204/NQ-HĐQT	30-09	Thông qua điều chỉnh một số nội dung của dự án Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2019
137	205/QĐ-HĐQT	04-10	Điều chỉnh dự án Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2019
138	207/QĐ-HĐQT	04-10	Phê duyệt quyết toán dự án đầu tư xe ô tô tự đổ tải trọng 55-60 tấn phục vụ sản xuất năm 2019

TT	Số văn bản	Ngày tháng	Trích yếu nội dung văn bản
139	208/QĐ-HĐQT	04-10	Bổ sung thiết kế và dự toán hạng mục thuộc Gói thầu số 2: Thi công xây dựng công trình Nhà ở công nhân- C.ty than Na Dương
140	211/NQ-HĐQT	14-10	Thông qua thực hiện thử nghiệm tuyển than sạch từ than nguyên khai có địa độ tro từ 40.01% đến 45,00% tại mỏ Na Dương
141	212/NQ-HĐQT	16-10	Thông qua phê duyệt E- Hồ sơ mời đấu thầu gói thầu Gói thầu số 2 “Cung cấp 02 máy gạt công suất ≥ 180 HP thuộc DA Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2019”
142	213/QĐ-HĐQT	21-10	Phê duyệt E- Hồ sơ mời đấu thầu gói thầu Gói thầu số 2 “Cung cấp 02 máy gạt công suất > 180 HP thuộc DA Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2019”
143	215/NQ-HĐQT	24-10	Thông qua gia hạn hợp đồng thuê sàng tuyển than từ sản phẩm ngoài tiêu chuẩn than tại Công ty Than Khánh Hòa-VVMI
144	216/NQ-HĐQT	24-10	Phê duyệt phương án: "Bồi thường GPMB mở rộng bãi thải Nam phục vụ đổ thải đất đá và mở rộng sân than (giai đoạn 1) - Công ty Than Khánh Hòa.
145	217/NQ-HĐQT	24-10	Thông qua bảo lãnh cho Công ty CP XM Quán Triều vay vốn lưu động phục vụ SXKD năm 2019, năm 2020
146	218/NQ-HĐQT	24-10	Thông qua nâng lương cho PTGD theo định kỳ
147	219/NQ-HĐQT	24-10	Thông qua giao TGD triển khai thực hiện nội dung chỉ đạo của TKV tại văn bản số 5321/TKV-KH
148	220/NQ-HĐQT	24-10	Thông qua kế hoạch ĐTXD năm 2019 điều chỉnh của TCT CNM Việt Bắc
149	221/QĐ-HĐQT	24-10	Giao kế hoạch ĐTXD 2019 điều chỉnh - Tổng công ty CN Mỏ Việt bắc TKV-CTCP
150	222/QĐ-HĐQT	30-10	Phê duyệt phương án: "Bồi thường GPMB mở rộng bãi thải Nam phục vụ đổ thải đất đá và mở rộng sân than (giai đoạn 1) - Công ty Than Khánh Hòa"
151	223/QĐ-HĐQ	30-10	Ban hành Quy chế quản lý cán bộ TCT CNM Việt Bắc
152	225/QĐ-HĐQT	06-11	Nâng lương cho ông Vũ Minh Tân- PTGD TCT
153	227/NQ-HĐQT	11-11	Thông qua phê duyệt phương án sàng tuyển than từ sản phẩm ngoài tiêu chuẩn than tại Công ty than Khánh Hòa
154	228/NQ-HĐQT	11-11	Thông qua phê duyệt quy hoạch cán bộ giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2020-2025 (sau rà soát, bổ sung)

TT	Số văn bản	Ngày tháng	Trích yếu nội dung văn bản
155	229/NQ-HĐQT	11-11	Thông qua giao cho TGD chỉ đạo NĐDPV của Tổng Công ty tại C.ty CP XM Tân Quang mua vật tư sửa lò
156	230/NQ-HĐQT	11-11	Thông qua phê duyệt điều chỉnh định mức KTKT thiết bị cơ điện- C.ty than Na Dương
157	231/NQ-HĐQT	11-11	Thông qua phê duyệt sản giao dịch niêm yết và thời điểm niêm yết cổ phiếu TCT CNM Việt Bắc TKV-CTCP
158	232/NQ-HĐQT	11-11	Thông qua phê duyệt kết quả đánh giá cán bộ năm 2018
159	233/NQ-HĐQT	11-11	Thông qua phê duyệt điều chỉnh một số nội dung dự án Bồi thường GPMB mở rộng khai trường sản xuất và bãi đổ thải giai đoạn I- C.ty than Na Dương
160	234/QĐ-HĐQT	15-11	Phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ Lãnh đạo của TCT giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2020-2025 (sau rà soát, bổ sung)
161	235/QĐ-HĐQT	15-11	Phê duyệt điều chỉnh một số nội dung dự án Bồi thường GPMB mở rộng khai trường sản xuất và bãi đổ thải giai đoạn I - C.ty than Na Dương
162	236/QĐ-HĐQT	15-11	Phê duyệt điều chỉnh định mức KTKT thiết bị cơ điện C.ty than Na Dương
163	237/QĐ-HĐQT	15-11	Phê duyệt phương án và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu "Sàng tuyển than từ sản phẩm ngoài tiêu chuẩn than tại C.ty than Khánh Hòa"
164	240/NQ-HĐQT	2-12	Thông qua chi trả thù lao cho người đại diện của TCT tại doanh nghiệp năm 2018
165	241/NQ-HĐQT	2-12	Thông qua thiết kế BVTC - Dự toán hạng mục phân xưởng khai thác vận tải thuộc DA "Mở rộng nâng cao công suất mỏ than Na Dương"
166	242/NQ-HĐQT	2-12	Thông qua điều chỉnh hệ số bóc đất đá toàn Tổng Công ty trong KH PHKD năm 2019
167	243/NQ-HĐQT	2-12	Thông qua chưa thực hiện tăng vốn điều lệ C.ty CP CKM Việt Bắc VVMI năm 2019
168	244/NQ-HĐQT	2-12	Thông qua việc tạm ứng cổ tức lần 1 của C.ty CP XM La Hiên VVMI
169	245/NQ-HĐQT	2-12	Thông qua giao TGD thực hiện chỉ đạo của TKV tại Văn bản số 5940/TKV-KH ngày 28/11/2019
170	247/NQ-HĐQT	12-12	Thông qua phê duyệt kết quả LCNT Gói thầu số 2 "Cung cấp 02 máy gạt công suất > 180 HP thuộc dự án Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2019
171	248/NQ-HĐQT	12-12	Thông qua tạm giao KH PHKD năm 2020

TT	Số văn bản	Ngày tháng	Trích yếu nội dung văn bản
172	249/NQ-HĐQT	12-12	Thông qua phê duyệt các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2020-2025 (sau rà soát, bổ sung)
173	250/NQ-HĐQT	12-12	Thông qua sửa đổi bổ sung hợp đồng hợp tác khai thác đá sét phục vụ sản xuất xi măng số 193/HĐ-KTKH
174	251/NQ-HĐQT	12-12	Thông qua việc tiếp nhận chuyển giao khai thác mỏ đá vôi Trảng Đà
175	252/NQ-HĐQT	12-12	Thông qua giao TGD thực hiện chỉ đạo của TKV
176	253/QĐ-HĐQT	13-12	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 2 "Cung cấp 02 máy gạt công suất > 180 HP thuộc dự án Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2019
177	254/NQ-HĐQT	13-12	Thông qua phê duyệt kế hoạch LCNT các gói thầu số 7,8,9,10,11,12 và quản lý dự án thuộc dự án Mở rộng nâng công suất mỏ than Na Dương
178	255/QĐ-HĐQT	18-12	Tạm giao các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch năm 2020 TCT CNM Việt Bắc TKV-CTCP
179	256/QĐ-HĐQT	18-12	Tạm giao các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch năm 2020 Công ty mẹ- TCT CNM Việt Bắc TKV-CTCP
180	257/QĐ-HĐQT	20-12	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu 7,8,9,10, 11,12 và quản lý dự án thuộc DA Mở rộng nâng công suất mỏ than Na Dương
181	260/NQ-HĐQT	31-12	Thông qua phê duyệt phương án nắn suối Tân Long phục vụ mở rộng Bắc khai trường- C.ty than Khánh Hòa
182	261/NQ-HĐQT	31-12	Thông qua phê duyệt phương án "Bồi thường mở rộng bãi thải Nam phục vụ đổ thải đất đá và mở rộng sân than (GD 2) Công ty than Khánh Hòa"
183	262/NQ-HĐQT	31-12	Thông qua tạm giao KH ĐTXD năm 2020
184	263/NQ-HĐQT	31-12	Thông qua việc tuyển dụng lao động và tạm giao đơn giá tiền lương năm 2020
185	264/NQ-HĐQT	31-12	Thông qua phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án Đền bù GPMB mở rộng bãi thải Tây Công ty than Khánh Hòa
186	265/NQ-HĐQT	31-12	Thông qua giao cho TGD phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án Đền bù GPMB tuyến XIX-XXIII thấu kính III phục vụ SX C.ty than Núi Hồng
187	266/NQ-HĐQT	31-12	Thông qua phê duyệt định mức công nhân sửa chữa trung đại tu cho 16 thiết bị chưa có trong định mức
188	267/NQ-HĐQT	31-12	Thông qua các giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện KH PHKD năm 2020 của TCT

TT	Số văn bản	Ngày tháng	Trích yếu nội dung văn bản
189	268//NQ-HĐQT	31-12	Thông qua giao kế hoạch PHKD quý I/2020
190	269//NQ-HĐQT	31-12	Tạm giao KH ĐTXD năm 2020
191	270//NQ-HĐQT	31-12	Phê duyệt quyết toán dự án đền bù GPMB mở rộng Bãi thải Tây- Công ty TNHH than Khánh Hòa
192	271/QĐ-HĐQT	31-12	Phê duyệt phương án nắn suối Tân Long phục vụ mở rộng Bắc khai trường Công ty than Khánh Hòa (GD: Đoạn từ nhà văn hóa xóm Cao Sơn 4 đến hạ lưu)
193	272/QĐ-CMV	31-12	Ban hành Quy chế quản lý phòng ngừa rủi ro TCT CNM Việt Bắc
194	273/QĐ-HĐQT	31-12	Đơn giá tiền lương năm 2020 và phê duyệt kế hoạch tiền lương đối với người quản lý
195	274/QĐ-HĐQT	31-12	Phê duyệt phương án "Bồi thường GPMB mở rộng bãi thải Nam phục vụ đổ thải đất đá và mở rộng sân than (GD 2 - C.ty than Khánh Hòa"
196	275/QĐ-HĐQT	31-12	Ban hành định mức nhân công sửa chữa TĐT một số thiết bị của TCT

2. Ban Kiểm soát:

a) Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Thị Lương Anh	Trưởng ban	28/8/2015	04	100%	
2	Lê Xuân Ngợi	Thành viên	28/8/2015	04	100%	
3	Nguyễn Thị Lịch	Thành viên	18/4/2018	04	100%	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2019 Ban kiểm soát đã hoạt động bám sát các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và các quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Pháp luật Nhà nước:

- Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động giám sát, kiểm tra theo định kỳ hàng tháng, quý. Trong năm 2019, Ban kiểm soát Tổng công ty họp 05 lần (định kỳ và đột xuất) để thực hiện theo chương trình kế hoạch đã được xây dựng từ đầu năm.

- Thực hiện giám sát, kiểm soát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty; giám sát việc chấp hành Điều lệ, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, của HĐQT. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức

độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính. Giám sát việc thực thi pháp luật, việc công bố thông tin.

- Trong năm 2019, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra giám sát theo kế hoạch hoạt động của ban đã được xây dựng từ đầu năm đồng thời phối hợp với Ban lãnh đạo điều hành và một số phòng ban nghiệp vụ của Tổng công ty. Thực hiện kiểm tra giám sát một số chuyên đề về công tác khoán quản trị chi phí, công tác quản lý vật tư, kiểm tra việc quyết toán quỹ lương, công nợ phải thu của khách hàng; Giám sát tăng cường theo Nghị định 87/2015/NĐ-CP với 03 công ty cổ phần xi măng.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Tiền lương quyết toán năm 2019:

TT	Họ và tên	Chức danh	Tổng số tiền lương được hưởng năm (đồng)	Tiền lương bình quân tháng (đồng)
1	Trần Hải Bình	Tổng giám đốc	585 000 000	45 000 000
2	Vũ Đình Lên	Phó Tổng giám đốc	526 500 000	40 500 000
3	Ngô Ngọc Sơn	Phó Tổng giám đốc	526 500 000	40 500 000
4	Đặng Văn Tùng	Thành viên HĐQT chuyên trách	515 923 652	40 500 000
5	Vũ Minh Tân	Phó Tổng giám đốc	526 500 000	40 500 000
6	Lương Xuân Quang	Kế toán trưởng	487 500 000	37 500 000
7	Nguyễn Thị Lương Anh	Trưởng Ban KS	536 250 000	41 250 000
	Tổng cộng		3 704 173 652	

b) Thù lao Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát không chuyên trách năm 2019:

TT	Họ và tên	Chức danh	Tổng số tiền thù lao được hưởng năm (đồng)	Tiền thù lao bình quân tháng (đồng)
1	Lê Quang Bình	Chủ tịch HĐQT	74 400 000	6 200 000
2	Trần Hải Bình	Thành viên HĐQT	64 800 000	5 400 000
3	Vũ Đình Lên	Thành viên HĐQT	64 800 000	5 400 000
4	Vũ Minh Tân	Thành viên HĐQT	64 800 000	5 400 000
5	Nguyễn Thị Lịch	Thành viên Ban KS	60 000 000	5 000 000
6	Lê Xuân Ngợi	Thành viên Ban KS	60 000 000	5 000 000
	Tổng cộng			

- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có giao dịch.
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có giao dịch.
- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện các quy định về quản trị công ty đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định của Pháp luật hiện hành.

VI. Báo cáo tài chính:

1. *Ý kiến kiểm toán:* Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP vào ngày 31/12/2019. Kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2019 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

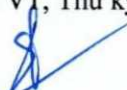
2. *Báo cáo tài chính năm 2019 được kiểm toán của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP đã công bố thông tin theo quy định gồm:*

- Báo cáo tài chính năm Công ty mẹ - Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

- Báo cáo tài chính hợp nhất Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Thành viên HĐQT, Ban KS (eOffice);
- Tổng GĐ, Các PTGĐ (eOffice);
- Các phòng Tổng công ty (eOffice);
- Lưu: VT, Thư ký Tcty. (T.03)



**Người đại diện theo Pháp luật
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trần Hải Bình